

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 73/2024/HS-ST

Ngày: 03 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Phi Hùng

Ông Trần Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2024/TLST-HS, ngày 07 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, sinh ngày 16/3/1983 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 04/10/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Thị xã B) xử phạt 8.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

+ Ngày 07/6/2022, bị Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000đ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị **Nguyễn Thị Bé M**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1954 (có mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 08/7/2024, Nguyễn Duy T điều khiển xe mô tô biển số 64EA-014.49 đi từ nhà thuộc ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến quán bán nước giải khát Lưu L tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để uống cà phê và kích dục. Khi vào quán T gặp chị Nguyễn Thị Bé M, tại đây chị M massage kích dục cho T, chị M massage kích dục cho T xong thì T đòi quan hệ tình dục, chị M không đồng ý. Chị M yêu cầu T trả tiền, do không đủ tiền nên T lấy Giấy đăng ký xe mô tô ra thế chấp cho chị M khi nào có tiền sẽ đến thanh toán cho chị M, chị M không đồng ý và lấy điện thoại di động trong chiếc túi đang đeo trên người ra để gọi cho bạn đến giải quyết, lúc này T đứng kế bên dùng tay gạt tay chị M không cho chị M gọi điện, T dùng tay đánh nhiều cái vào phía sau cổ chị M rồi nắm tay kéo chị M vào phòng, trong lúc giằng co Thanh giật làm rớt 02 sợi dây chuyền vàng 18k và 01 sợi dây chuỗi đeo trên cổ chị M và chiếc túi đeo chéo trên người xuống nền gạch, điện thoại di động hiệu Vivo rớt xuống nệm. Lúc nhìn thấy tài sản của chị M T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên T xô chị M ngã xuống nệm, dùng tay kéo tấm ga trải nệm làm điện thoại di động hiệu Vivo rớt xuống đất, T1 dùng tấm ga trải nệm trói hai đùi của chị M, lúc này chị M la lên thì T1 dùng tay phải đánh nhiều cái vào phía sau cổ chị M, rồi tháo áo gối nhét vào miệng chị M. T1 tiếp tục giật 02 tấm màn treo trước 02 cửa phòng, lấy 01 tấm trói tay và 01 tấm trói hai chân của M, lúc này màn trói 02 tay của M bị giuộc ra nên T1 nhặt lấy sợi dây của chiếc túi đeo chéo đã bị đứt buộc hai tay của chị M lại, khi trói chị M xong T1 lấy chiếc túi đeo chéo của chị M lục lấy hết tiền trong túi rồi ném chiếc túi lại, T1 tiếp tục nhặt 04 đoạn dây chuyền vàng bị đứt cùng với nhiều miếng vàng nhỏ hình tròn bỏ vào trong bóp da của T1, rồi T1 nhặt chiếc điện thoại di động hiệu Vivo bỏ vào túi quần bên phải.

Sau khi lấy tài sản của chị M xong, T1 điều khiển xe đến bến phà G thuộc xã Đ, thị xã B, khi xuống phà T1 lấy tiền vừa chiếm đoạt của chị M ra đếm được số tiền 9.700.000đ. Sau đó, T1 điều khiển xe đến Nhà trọ H thuộc ấp M, xã S, huyện T thuê trọ tại đây, T1 đã tiêu xài và trả nợ cá nhân số tiền 4.680.000đ.

Đến sáng ngày 09/7/2024, T1 điều khiển xe đến quán bán nước giải khát tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B bắt giữ và giao nộp tài sản, vật chứng gồm:

+ Thu giữ của Nguyễn Duy T: 01 bóp da màu đen bên trong có 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 64EA- 014.49 do Nguyễn Thị Mỹ X đứng tên; 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy T; số tiền Việt Nam 5.720.000đ; 04 đoạn kim loại màu vàng và nhiều miếng kim loại nhỏ hình tròn màu vàng được niêm phong trong bao thư; 01 xe mô tô hiệu Savi màu đỏ đen, biển số 64EA- 014.49 (số khung: B1HYE1005745, số máy: 139FMB011165); 01 điện thoại di động hiệu Vio Y53S.

+ T2 tại quán bán nước giải khát Lưu L: 02 tấm màn vải; 02 tấm ga nệm; 01 cái áo gối; 01 sợi dây của túi đeo chéo.

Theo Kết luận giám định số: 957/KL-KTHS, ngày 21/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ:

+ 02 đoạn dây kim loại màu vàng có tổng chiều dài 50cm - rộng 0,2cm có đóng ký hiệu “PNJ 680” được niêm phong trong bao thư gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 67,34%, có tổng khối lượng là 5,317 gam.

+ 02 đoạn dây kim loại màu vàng và nhiều mảnh kim loại màu vàng dạng hình đồng tiền có tổng chiều dài 38,5cm - rộng 0,4cm có đóng ký hiệu “PNJ 610” được niêm phong trong bao thư gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 51,18%, có tổng khối lượng là 6,898gam.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 19/KL.ĐGTS, ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã B kết luận như sau:

+ 02 đoạn dây kim loại màu vàng có tổng chiều dài 50cm - rộng 0,2cm có đóng ký hiệu “PNJ 680” có tổng khối lượng là 5,317 gam, hàm lượng kim loại vàng 67,34% có tổng giá trị là 7.445.218đ.

+ 02 đoạn dây kim loại màu vàng có tổng chiều dài 38,5cm - rộng 0,4cm có đóng ký hiệu “PNJ 610” có tổng khối lượng là 6,898 gam, hàm lượng kim loại vàng 59,18% có tổng giá trị là 8.667.567đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Vio Y53S có giá trị là 1.920.000đ.

Ngoài ra, chị Bé M cho rằng Nguyễn Duy T ngoài cướp tài sản là 02 sợi dây chuyền vàng 18k, 01 điện thoại di động hiệu Vivo và tiền mặt 9.700.000đ thì T còn cướp của chị 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93P1-133.44. Tuy nhiên, qua điều tra thì T không thừa nhận và cũng không đủ cơ sở để chứng minh T chiếm đoạt Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93P1-133.44 của chị M.

Đối với chị Nguyễn Thị Bé M có hành vi kích dục cho T thì Công an thị xã B đã ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 400.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý đối tài sản và vật chứng thu giữ như sau:

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Savi màu đỏ đen biển số 64EA - 014.49 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Mỹ X. Chị X cho Thanh mượn và không biết T sử dụng xe để đi cướp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho chị X xong.

+ Đối với 02 đoạn dây kim loại màu vàng có tổng chiều dài 50cm - rộng 0,2cm có đóng ký hiệu “PNJ 680” có tổng khối lượng là 5,317 gam, hàm lượng kim loại vàng 67,34%; 02 đoạn dây kim loại màu vàng có tổng chiều dài 38,5cm - rộng 0,4cm có đóng ký hiệu “PNJ 610” có tổng khối lượng là 6,898 gam, hàm lượng kim loại vàng 59,18%; 01 điện thoại di động hiệu Vivo; số tiền 5.720.000đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho chị M xong.

+ Đối với 01 bóp da màu đen; 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy T là tài sản của Nguyễn Duy T không liên quan đến vụ án.

+ Đối với 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 64EA- 014.49 do Nguyễn Thị Mỹ X đứng tên là tài sản của chị X không liên quan đến vụ án.

+ Đối với 02 tấm màn vải, 02 tấm ga nệm, 01 cái áo gối và 01 sợi dây của túi đeo chéo là tài sản của chị M không còn giá trị sử dụng nên chị M không yêu cầu nhận lại.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Bé M đã nhận lại đủ tài sản do T chiếm đoạt, đồng thời T đã tác động mẹ ruột là bà Nguyễn Thị S bồi thường cho chị M số tiền chi phí khám bệnh 700.000đ, chị M không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm. Bà Nguyễn Thị S đã bồi thường thay cho T số tiền 4.680.000đ và không yêu cầu T hoàn trả lại.

- Tại Cáo trạng số: 70/CT-VKSBM, ngày 07/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long truy tố Nguyễn Duy T về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị:*

+ Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt: Tuyên bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Duy T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 09/7/2024).

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Trả cho bị cáo: 01 bóp da màu đen, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy T.

Tịch thu tiêu hủy: 02 tấm màn vải, 02 tấm ga nệm, 01 cái áo gối, 01 sợi dây của túi đeo chéo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/11/2024).

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng các Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Phần tranh luận:* Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và Kiểm sát viên không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo, sửa chữa sớm trở về hòa nhập cộng đồng lo cho cha, mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và còn phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 16 giờ ngày 08/7/2024, bị cáo Nguyễn Duy T đến quán G thuộc ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Bé M làm chủ để uống cà

phê và kích dục. Sau khi được chị M kích dục xong, do bị cáo không đủ tiền trả nên giữa chị M và bị cáo xảy ra cự cãi và giằng co với nhau dẫn đến làm rách 02 sợi dây chuyền vàng 18k và 01 sợi dây chuỗi đeo trên cổ chị M, 01 chiếc túi đeo chéo trên người chị M và 01 điện thoại di động hiệu Vivo rơi xuống. Ngay khi nhìn thấy tài sản của chị M, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đánh và trói chị M, sau đó cướp 02 sợi dây chuyền vàng 18k, 01 điện thoại di động hiệu Vivo và số tiền mặt là 9.700.000đ. Sau khi cướp được tài sản, bị cáo đã tiêu xài hết số tiền 4.680.000đ. Đến sáng ngày 09/7/2024, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B bắt giữ.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 19/KL.ĐGTS, ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã B kết luận: Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T cướp của chị Nguyễn Thị B Mảnh là 27.732.000đ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự theo như luận tội của Kiểm sát viên.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe, tinh thần của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo dùng vũ lực tấn công bị hại để cướp tài sản rất mạnh động, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để có đủ thời gian bị cáo cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Qua đó, nhằm đấu tranh ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có tác động gia đình bồi thường cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, khi quyết định hình phạt cần được xem các tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Đối với vật chứng và tài sản theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/11/2024, cần tịch thu tiêu hủy đối với tài sản không còn giá trị sử dụng. Đối với các loại giấy tờ, tài sản khác không có liên quan và không sử dụng vào việc phạm tội nên được hoàn trả lại cho chủ sở hữu.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **bị cáo Nguyễn Duy T 03 (ba) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 09/7/2024).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

2.1. Trả lại cho bị cáo: 01 bóp da màu đen; 01 thẻ bảo hiểm y tế (mang tên Nguyễn Duy T, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 22/6/2021, mã số DN 4868622239135); 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy T (do Sở Giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 17/8/2011, số AS 725706).

2.2. Tịch thu tiêu hủy: 02 tấm màn vải; 02 tấm ga nệm; 01 cái áo gối; 01 sợi dây của túi đeo chéo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/11/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- VKS TX Bình Minh;
- CA TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người TGTG khác (nếu có);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa